

Bản án số: 09/2019/DS-ST
Ngày: 16-10- 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Lan;**
2. Ông Trịnh Văn Nguyên .

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa: Bà Tô Hải Yến - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tiền, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **03/2019/QĐXX-DS ngày 19 tháng 07 năm 2019 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 03/TB -TA ngày 02/10/2019**, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã Ia Khuol, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Bà Võ Thị C, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã Hòa Phú, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã Hòa Phú, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày **18/01/2019**, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Huỳnh Thị M trình bày :

Tôi với bà Võ Thị C có mối quan hệ quen biết nhau. Do có nhu cầu cần tiền, nên vào ngày 21/4/2013 (dương lịch), bà C đến nhà tôi để mượn số tiền là 26.000.000đ. Hai bên thỏa thuận miệng về lãi suất và khi nào có tiền thì trả đủ tiền gốc chứ không ghi ngày trả, không ghi lãi suất. Ngày 12/5/2013, bà C trả cho tôi 10.000.000 đồng tiền gốc vay và lãi suất theo thỏa thuận đến thời điểm đó. Số tiền còn lại 16.000.000 đồng từ đó cho đến nay bà C không chịu trả cho tôi, mặc dù tôi đã đi lại đòi nợ bà C rất nhiều lần. Khi nhận tiền thì bà C có ghi mượn số tiền là 26 triệu đồng, khi bà C trả cho tôi 10 triệu đồng thì tôi có ghi vào phía dưới tờ giấy vào ngày 12/5/2013. Việc bà C cho rằng đã trả hết số tiền nợ trên cho tôi thì bà C cứ cung cấp chứng cứ để chứng minh, vì giữa tôi với bà C khi vay hay trả hai bên đều xác nhận và có ghi vào sổ của tôi hoặc sổ bà C, khi bà C trả tiền xong thì bà C phải yêu cầu tôi trả lại giấy vay hoặc bà C gạch xóa trong sổ của tôi, nếu bà C đã trả rồi làm sao tôi lại đi đòi bà C được. Còn việc bà C trả nợ cho tôi khi có bà H là trả nợ cho các khoản vay trước đó và khi đó tôi cũng đã đưa lại giấy vay cho bà C đối với số tiền bà C đã trả cho tôi rồi.

Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị C phải trả cho tôi số nợ gốc là 16.000.000đ. Về tiền lãi chậm trả, tôi không yêu cầu bà C phải trả.

Về án phí và các chi phí khác: Tôi yêu cầu bị đơn phải chịu toàn bộ về án phí, chi phí tố tụng. Ngoài ra, tôi không có yêu cầu gì khác.

Trong các biên bản hòa giải, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn bà Võ Thị C trình bày :

Tôi có vay tiền của bà M nhiều lần, khi tôi trả cho khoản vay trước rồi mới vay lại khoản sau, nhưng tôi chỉ vay bà M trong thời gian trước khi vợ chồng tôi ly hôn chứ sau khi ly hôn rồi tôi không có vay mượn gì của bà M nữa. Tôi thừa nhận giấy mượn tiền ngày 21/4/ 2013 (dương lịch) do tôi viết, tôi đã vay của bà M số tiền là 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng) và đây là lần tôi vay cuối cùng của bà M. Hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng. Sau đó tôi đã trả hết số tiền nợ này và cả tiền lãi cho bà M rồi nhưng do tin tưởng tôi không thu hồi lại giấy mượn tiền này. Thời điểm trả tiền cho bà M là vào thời điểm sau khi vợ chồng tôi ly hôn khoảng 01 năm, khi đó tại nhà tôi, có bà H chứng kiến, tôi trả cho bà M hết các khoản tiền mà tôi đã vay của bà M trong thời gian vợ chồng tôi chưa ly hôn. Nay bà M khởi kiện yêu cầu tôi phải trả cho bà M số tiền nợ 16.000.000 đ (mười sáu triệu đồng) thì tôi không đồng ý vì khoản nợ này tôi đã trả rồi. Do khi trả tiền tôi không có yêu cầu bà M viết giấy tờ gì nên không có để cung cấp cho Tòa án.

Trong các bản tự khai, người làm chứng là bà Nguyễn Thị H trình bày:
Khi ở nhà bà C khoảng năm 2012 tôi không nhớ rõ chỉ nhớ thời điểm vợ chồng bà C, ông L ly hôn xong, thì bà C có gọi tôi cùng với bà M đến nhà để trả nợ cho tôi và cũng đã trả nợ cho bà M nhưng tôi không biết bà C trả khoản nợ nào cho bà M. Còn sau đó bà C có vay lại của bà M nữa hay còn nợ bà M khoản nào nữa tôi không biết. Tôi cũng không biết bà C đã gạch trong sổ nợ của bà M hay chưa. Riêng các khoản nợ của tôi thì khi trả xong bà C xem và gạch hết những khoản nợ của bà C trong sổ của tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh phát biểu ý kiến:

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG

1. Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Tại phiên tòa và các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện giấy vay tiền ngày 21/4/2013 bà C đã thừa nhận có vay của bà M 26 triệu đồng, bà M công nhận bà C đã trả 10 triệu đồng ngày 12/5/2013, nay bà M yêu cầu bà C trả 16 triệu đồng còn nợ lại. Bà C cho rằng đã trả số nợ này cho bà M có bà H chứng kiến, tuy nhiên bà H khai có thấy bà C trả tiền cho bà M nhưng không biết trả cho khoản vay nào và bà C có gạch sổ của bà M hay không bà H không biết. Bà C không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đã trả hết số tiền còn nợ trên cho bà M. Từ những căn cứ trên xác định bà C còn nợ bà M số tiền gốc vay là 16.000.000 đồng. Căn cứ Điều 463, 466 BLDS, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà C phải trả cho bà M số tiền 16.000.000đ.

Về lãi suất: Bà M không yêu cầu bà C trả lãi suất chậm trả nên không đề cập đến.

- Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà M không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật: Theo giấy vay tiền ngày 21/4/2013, với số tiền 26.000.000đ, không có thời hạn trả nợ, bên vay tự viết nội dung vay, ký ghi rõ họ tên là Võ Thị C. Ngày 12/5 (không có năm) có ghi C trả 10 triệu, còn nợ 16.000.000 đồng, do bên cho vay ghi. Sau đó nhiều lần đòi bên vay không trả tiền nên bên cho vay khởi kiện yêu cầu buộc bên vay phải trả số tiền gốc vay là 16.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Căn cứ quy định tại **Điều 471, Điều 474** của Bộ luật dân sự năm 2005; **Điều 688, Điều 466** Bộ Luật dân sự năm 2015 về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Bị đơn cư trú, sinh sống tại huyện Chư Păh. Theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 và Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Chư Păh. Hình thức, nội dung khởi kiện phù hợp theo quy định nên đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị M được Tòa án nhân dân huyện Chư Păh thụ lý giải quyết.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 16.000.000 đồng tiền gốc vay còn lại. Bị đơn cho rằng đã trả hết tiền gốc và lãi cho nguyên đơn rồi nhưng do tin tưởng nên không lấy lại giấy “Mượn tiền” này. Trong quá trình đối chất thể hiện giữa nguyên đơn với bị đơn cũng có vay mượn tiền với nhau nhiều lần, mỗi lần trả cho món vay nào thì nguyên đơn với bị đơn đã hủy bỏ hoặc gạch xóa giấy vay mượn với nhau. Riêng giấy mượn tiền ngày 21/4/2013 thì bị đơn mới trả được 10.000.000 đồng, nguyên đơn viết vào bên dưới còn nợ 16.000.000 đồng (ngày 12/5), là phù hợp.

Còn bị đơn thừa nhận có vay mượn tiền của nguyên đơn nhiều lần nhưng khi trả nợ lần vay trước thì mới vay lại lần sau và giấy mượn tiền ngày 21/4/2013 là lần vay cuối cùng. Bị đơn cho rằng đã trả hết một lần cho nguyên đơn rồi nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Thời điểm trả hết số tiền trên cho bà M là sau thời điểm ly hôn khoảng 01 năm và chỉ có vay của nguyên đơn trước khi ly hôn. Theo Quyết định thỏa thuận thuận tình ly hôn số 44/2012/QĐST- HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh là ngày 02/8/2012. Như vậy việc bà C trả tiền cho bà M tại nhà bà C là trả cho các khoản vay trước khoản nợ ngày 21/4/2013. Việc vay mượn giữa hai bên đã nhiều lần, mỗi lần trả hai bên đều hủy giấy nợ hay bị đơn đều nhận lại giấy nợ theo như lời khai của nguyên đơn là có cơ sở. Bà H là người làm chứng cũng đã khai không biết bà C trả cho bà M khoản nợ nào. Sau khi trả xong các khoản nợ thì bà C xem và gạch hết các khoản nợ của bà C trong sổ nợ

của bà H. Việc này thể hiện nhận thức và thông lệ vay mượn tiền với nhau diễn ra trong thời gian dài giữa các bên, khi trả xong nợ là phải hủy giấy hoặc gạch bỏ nội dung giấy vay tiền. Nên việc bị đơn cho rằng đã trả hết số tiền nợ trên cho nguyên đơn nhưng không có chứng cứ chứng minh và không gạch sổ hoặc lấy lại giấy nợ là không có căn cứ.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ gốc là 16.000.000 đồng, không yêu cầu bị đơn trả lãi nên không xem xét phần lãi suất chậm trả.

Từ những cơ sở nêu trên kết luận bà Võ Thị C còn nợ bà Huỳnh Thị M số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng), nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Võ Thị C phải trả lại số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) cho bà Huỳnh Thị M.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Võ Thị C phải chịu án phí của số tiền 16.000.000 đồng ($16.000.000 \times 5\% = 800.000$ đ) theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 357, Điều 463, 466 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị M;

Buộc bà Võ Thị C phải trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) .

Đối với trường hợp bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/10/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.Về án phí: Buộc bà Võ Thị C phải chịu 800.000 đ (tám trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại bà Huỳnh Thị M 400.000 đ (bốn trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0002604 ngày 21/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (16/10/2019), nguyên đơn, bị đơn, có quyền làm đơn kháng cáo lên tòa án tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện ChưPăh;
- Thi hành án DS Chư Păh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Nguyễn Văn Bảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA